CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tôn Đông Á

Ngày 31/03/2025	23,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.0%	-	-

DT thuần *Q1/25*
3,977 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 89.0| 2.3%
YoY: ▼122| -3.0%

LN thuần *Q1/25*
79.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 83.7| 2027%
YoY: ▼39.4| -33.1%

LN sau thuế *Q1/25*
62.7 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 41.4| 194%
YoY: ▼32.7| -34.3%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
3.6%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM) *Q1/25*
8.2%
YoY: +/-▼ 1.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,735 - 35,105
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,730
Số lượng CPLH (CP)	114,691,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	166,675
Sở hữu nước ngoài	17.6%
Beta	1.24
EPS	2,695
P/E	8.8

DT thuần *2024*
19,136 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 1,701| 9.8%

LN thuần *2024*
393 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 84.0| 27.2%

LN sau thuế *2024*
342 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 58.0| 20.5%

Cơ cấu cổ đông

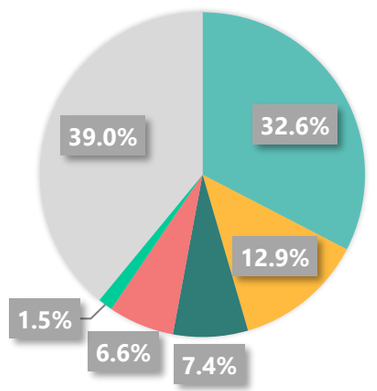

- Nguyễn Thanh Trung (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Thị Phương Loan (Thành viên HĐQT)
- Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam
- Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thanh Quỳnh An
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

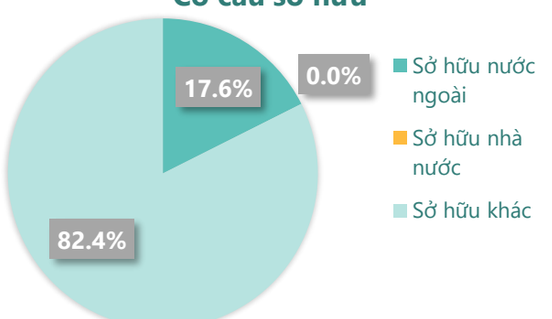

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

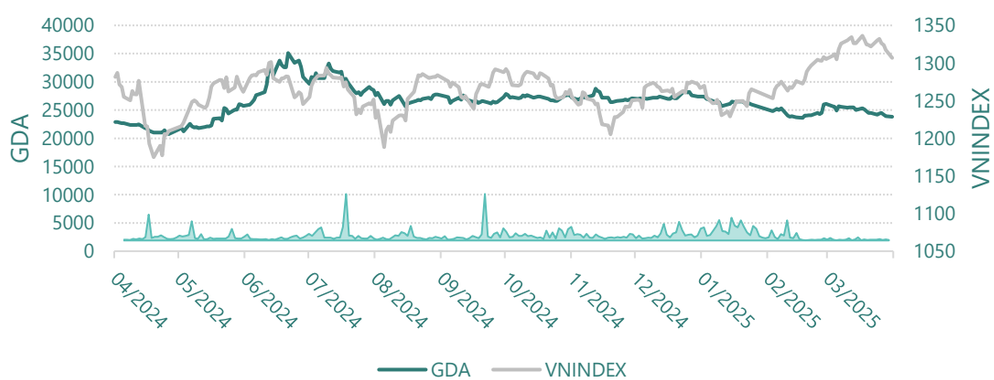

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

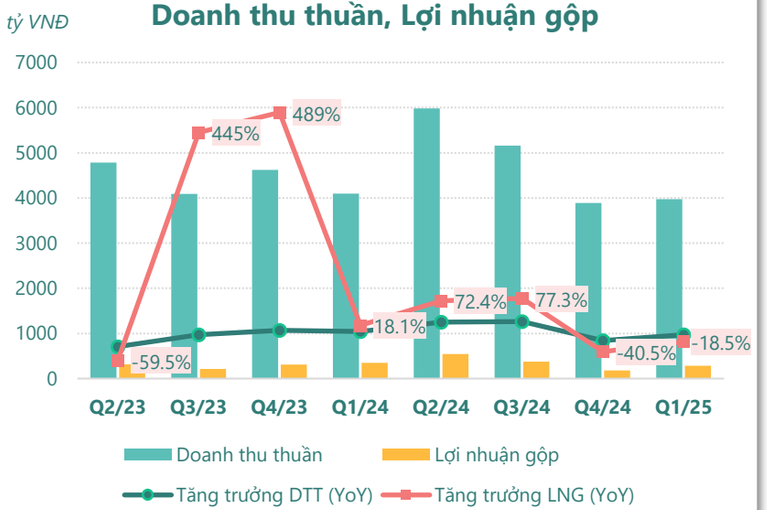

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

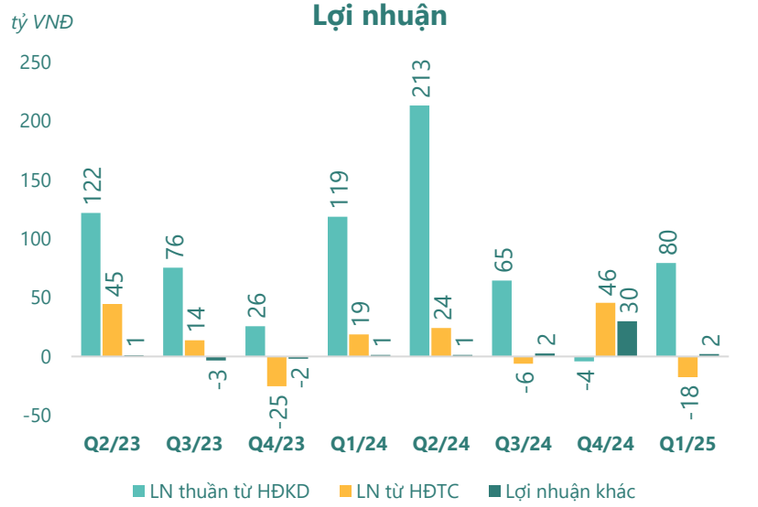

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

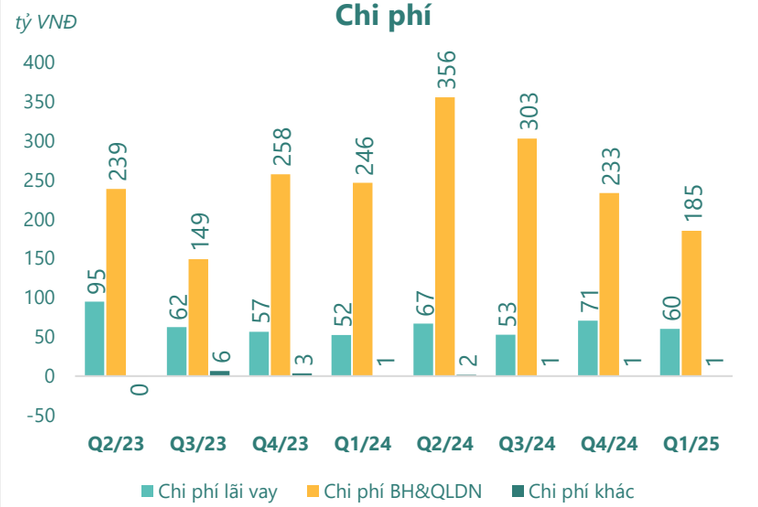

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

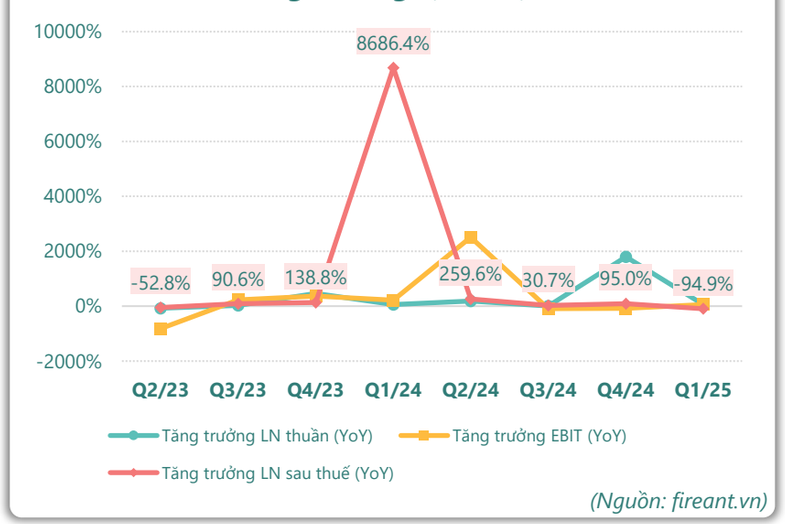

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

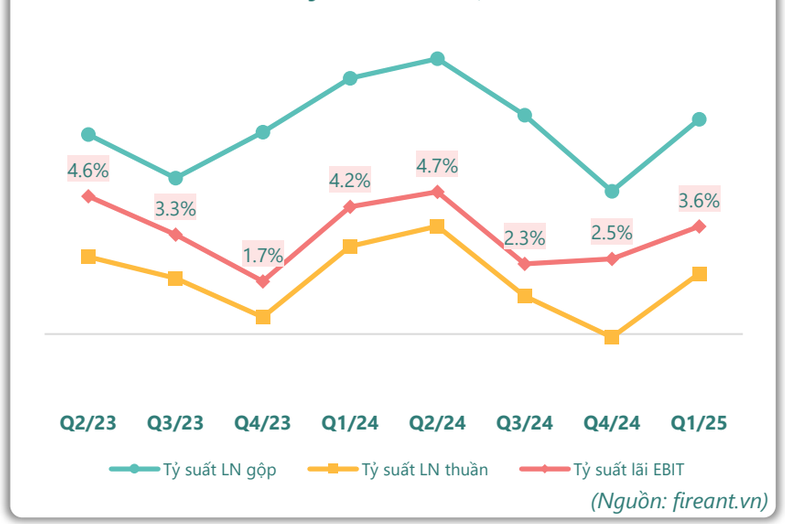

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

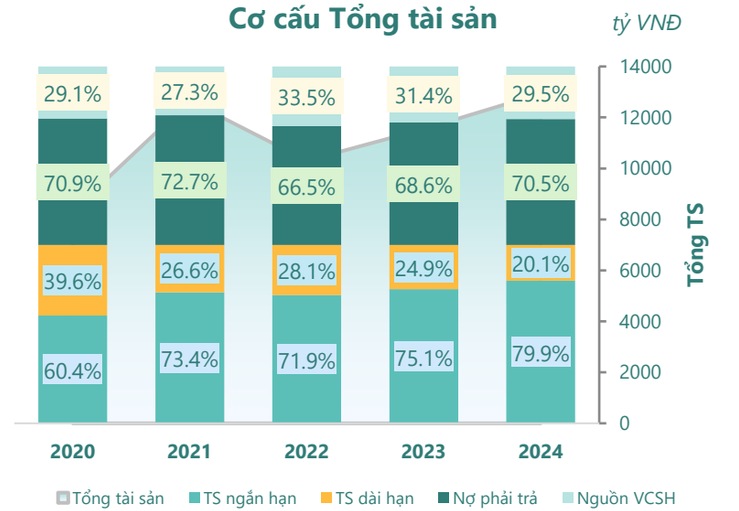

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

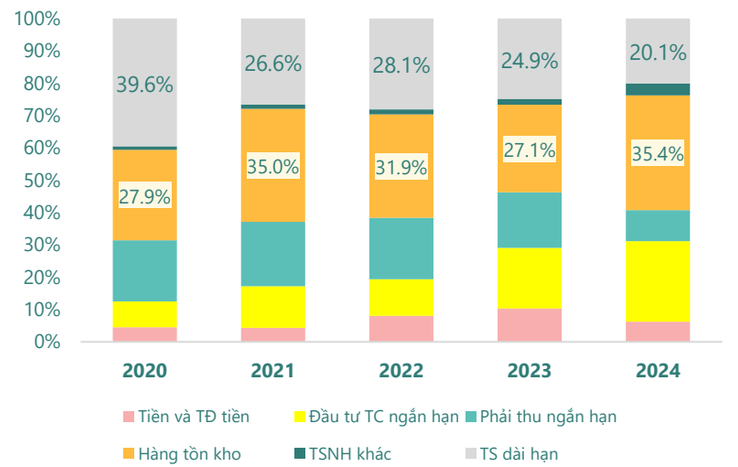

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

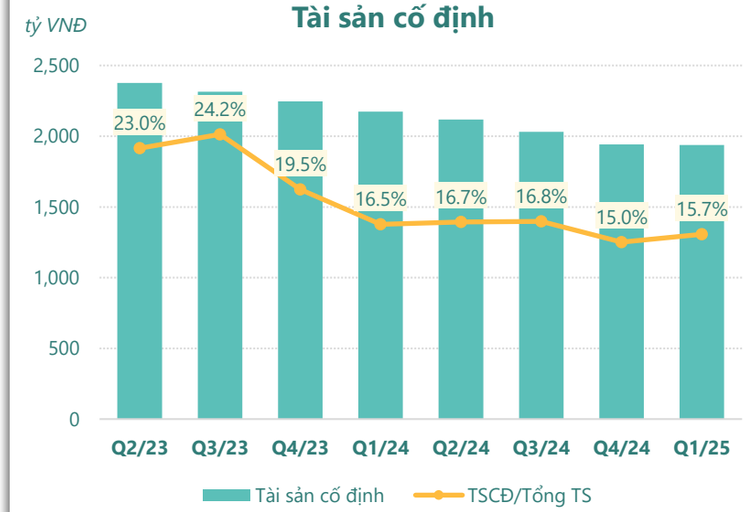

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

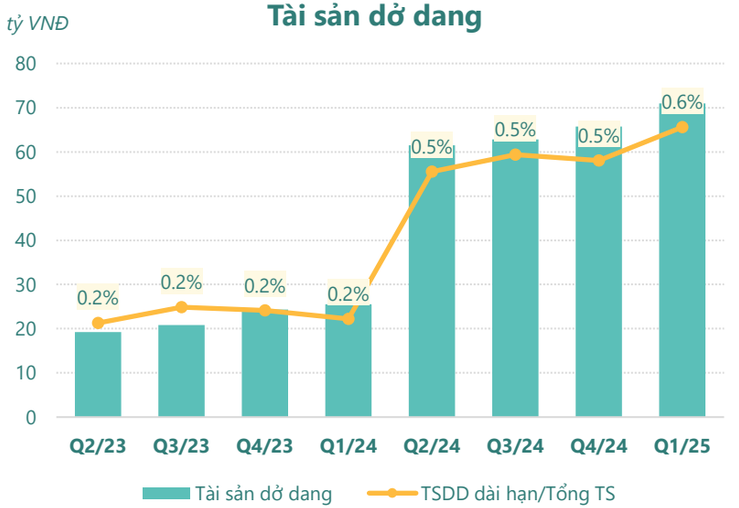

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

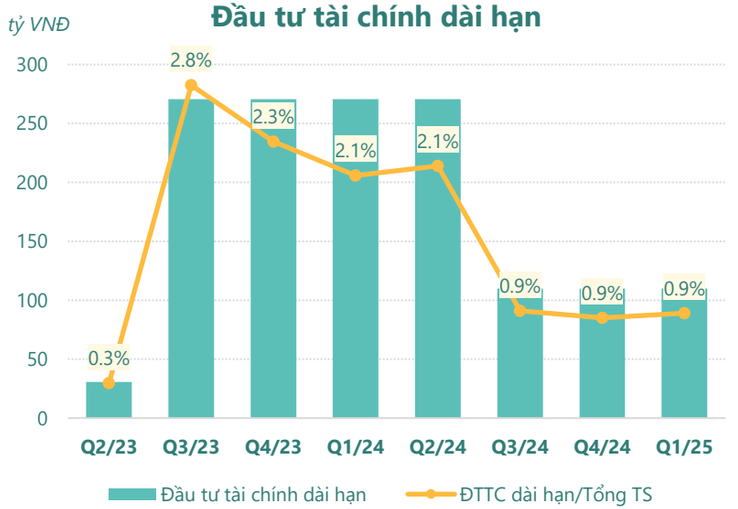

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

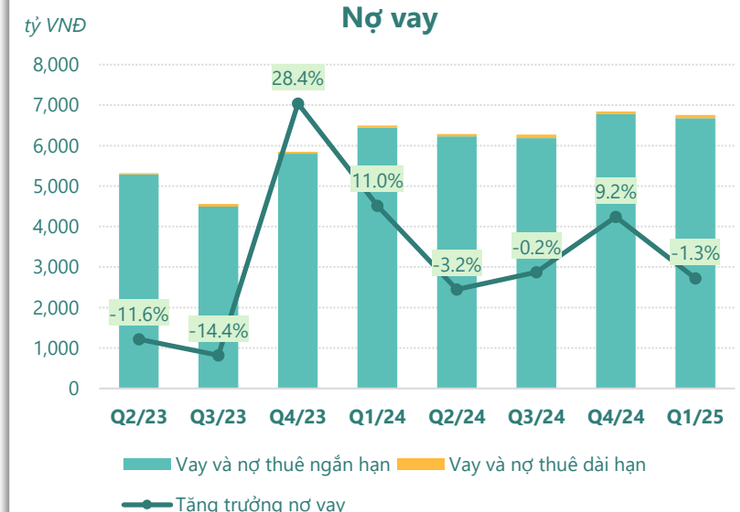

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

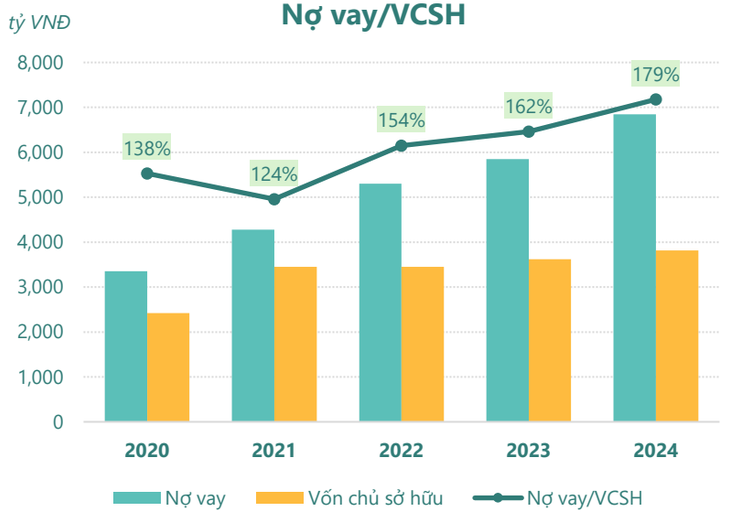

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

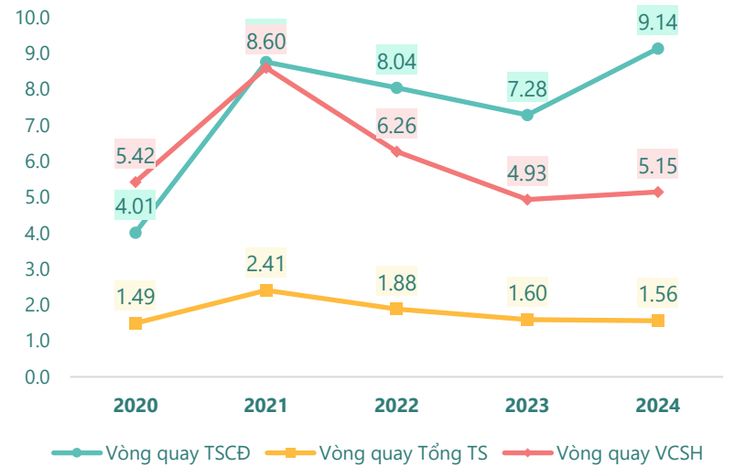

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

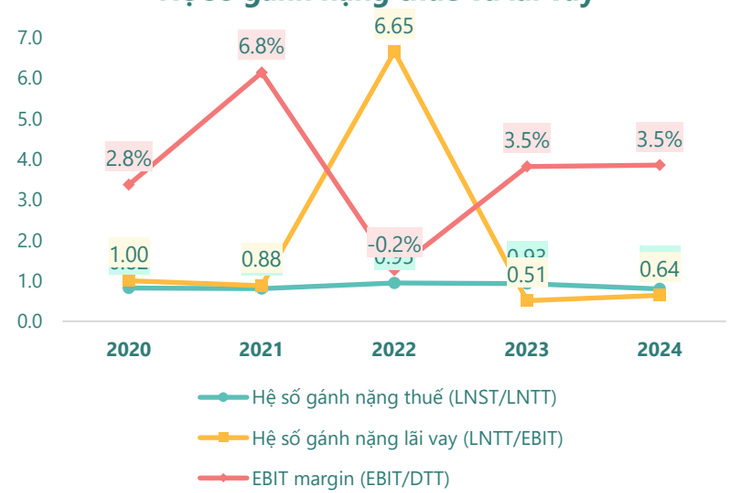

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

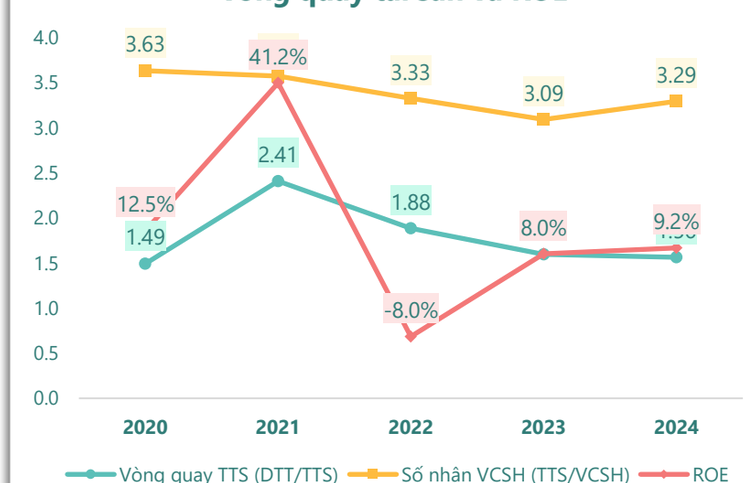

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

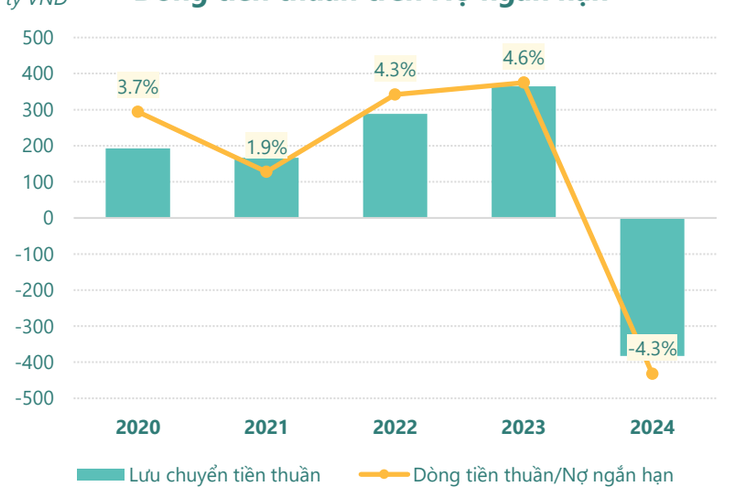

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,977**	**4,099**	**-3.0%**	**19,136**	**17,435**	**9.8%**
Giá vốn hàng bán	3,694	3,752	-1.5%	17,687	16,305	8.5%
Lợi nhuận gộp	282	347	-18.6%	1,449	1,129	28.3%
Doanh thu HĐTC	63.1	80.6	-21.7%	436	378	15.2%
Chi phí TC	80.7	62.0	30.1%	354	371	-4.8%
Chi phí lãi vay	60.2	52.3	15.0%	243	297	-18.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	164	225	-27.1%	1,027	764	34.4%
Chi phí QLDN	**21.3**	**21.2**	**0.4%**	**111**	**63.1**	**76.7%**
LN thuần từ HĐKD	79.6	119	-33.1%	393	309	27.2%
Lợi nhuận khác	**2.01**	**1.30**	**54.4%**	**35.1**	**-3.06**	**1247%**
LN trước thuế	81.6	120	-32.0%	428	306	39.9%
Lợi nhuận sau thuế	**62.7**	**95.4**	**-34.3%**	**342**	**284**	**20.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**62.7**	**95.4**	**-34.3%**	**342**	**284**	**20.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	440	-380	59.1	-144	-88.1	-338
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,146	-601	153	63.0	-312	420
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,181	693	-263	5.58	432	-95.5
Tiền đầu kỳ	719	1,194	905	854	779	811
Lưu chuyển tiền thuần	**475**	**-288**	**-50.7**	**-75.7**	**31.8**	**-13.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.37	0	-0.72	0.72	0.26	0
Tiền cuối kỳ	1,194	905	854	779	811	797

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,363**	**12,939**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	9,777	10,338	-5.4%
Tiền và tương đương tiền	797	811	-1.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,581	3,222	-19.9%
Phải thu ngắn hạn	1,502	1,242	20.9%
Hàng tồn kho	4,405	4,585	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	492	479	2.8%
Tài sản dài hạn	**2,586**	**2,601**	**-0.6%**
Phải thu dài hạn	13.9	13.5	3.0%
Tài sản cố định	1,938	1,942	-0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	71.0	65.7	8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	110	110	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**445**	**461**	**-3.6%**
Lợi thế thương mại	7.57	7.78	-2.8%
Nợ phải trả	8,514	9,124	-6.7%
Nợ ngắn hạn	**8,375**	**9,002**	**-7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,675	6,779	-1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,448	1,843	-21.4%
Nợ dài hạn	139	122	13.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	82.9	66.6	24.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,849**	**3,815**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,849**	**3,815**	**0.9%**
Vốn điều lệ	1,147	1,147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)